

Số: /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương lớp 5
sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông của thành phố Đà Nẵng****BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
Căn cứ Thông tư số 33/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc thẩm định tài liệu giáo dục địa phương;
Xem xét Công văn số 6712/UBND-SGDĐT ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc đề nghị phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương thành phố Đà Nẵng - Lớp 5;
Xem xét Biên bản kiểm tra ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng tư vấn phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương thành phố Đà Nẵng - Lớp 5;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Tài liệu giáo dục địa phương thành phố Đà Nẵng - Lớp 5 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng chịu trách nhiệm về chất lượng và hiệu quả sử dụng tài liệu được phê duyệt tại Điều 1 trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Phó Thủ tướng Lê Thành Long;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGD của Quốc hội;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thủ trưởng (để p/h chỉ đạo);
- Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng (để t/h);
- Lưu: VT, Vụ GDTH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Phạm Ngọc Thương**

BẢN TRÌNH KÌ



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Lớp 5



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN MINH HÙNG – TRẦN NGUYỄN MINH THÀNH (Đồng Chủ biên)
NGÔ THỊ CAM – PHẠM ĐÌNH ĐƯỢC – ÔNG THỊ VY HIỆP – THÁI VI LINH
VÕ VĂN MINH – NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC – LƯU ANH RÔ
HUỠNH ĐÌNH QUỐC THIÊN – BUI VĂN TIẾNG – HÀ VỸ

TK HATV
JK

TK HATV: Trần Hải Trần

Nguyễn Thị Quý Sửu

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Lớp 5

Trần Nguyễn Minh Thành

Ngô Thị Cam

Nguyễn Minh Hùng

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Thái Vi Linh

Bui Văn Tiếng

Ông Thị Vy Hiệp

Huỳnh Đình Quốc Thiên

Võ Văn Minh

Lưu Anh Rô



GIÁM ĐỐC
Lê Thị Bích Thuận

Kí hiệu và hướng dẫn sử dụng tài liệu



KHỞI ĐỘNG

Khơi gợi các kiến thức, vốn sống của học sinh, giúp học sinh có cơ hội chia sẻ những hiểu biết của mình về các sự vật, hoạt động,... được nêu trong chủ đề.



KHÁM PHÁ

Học sinh tìm hiểu, hình thành kiến thức thông qua các hoạt động nhằm phát triển các năng lực quan sát, phân tích, liên hệ, vận dụng,...



THỰC HÀNH

Học sinh xử lí các tình huống cụ thể để củng cố kiến thức, hình thành các phẩm chất và năng lực.



VẬN DỤNG

Học sinh giải quyết các vấn đề của thực tế hoặc vấn đề giả định có liên quan đến nội dung chủ đề; từ đó phát huy khả năng sáng tạo đối với nội dung giáo dục.

Hãy giữ gìn tài liệu cẩn thận để dành tặng cho các em lớp sau!

LỜI NÓI ĐẦU

Tài liệu giáo dục địa phương thành phố Đà Nẵng lớp 5 gồm 5 chủ đề, thể hiện nội dung cơ bản về truyền thống, lịch sử, văn hoá của địa phương gắn liền với các hoạt động trải nghiệm cụ thể.

Mục tiêu biên soạn của nhóm tác giả là trang bị cho học sinh những kiến thức sơ giản, phù hợp với lứa tuổi về truyền thống yêu nước, nhân văn (Chủ đề *Mẹ Dũng sĩ Thanh Khê, Đồng bào dân tộc Cơ Tu ở thành phố Đà Nẵng*), về lịch sử, văn hoá (Chủ đề *Hải Vân Quan*), về nghề nghiệp, sản vật của địa phương (Chủ đề *Nước mắm Nam Ô, Làng nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước*),...

Các nội dung trên sẽ giúp các em hiểu biết sâu sắc hơn về quê hương và con người, về những giá trị truyền thống của thành phố. Từ đó, cùng các môn học khác, góp phần bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước, giáo dục lối sống cho học sinh thông qua sự phối hợp giữa gia đình – nhà trường – xã hội ngay ở cấp học nền tảng.

Trong mỗi chủ đề được biên soạn theo cấu trúc *Khởi động – Khám phá – Thực hành – Vận dụng* để học sinh biết, hiểu và thực hành trong điều kiện thực tế của thành phố. Điều này giúp các em vừa thuận tiện vừa tăng thêm hứng thú trong học tập với nội dung giáo dục địa phương.


NHÓM TÁC GIẢ



KHỞI ĐỘNG

1 Quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.



Hình 1.1. Di tích Hải Vân Quan trước khi được tu sửa



Hình 1.2. Di tích Hải Vân Quan được trùng tu



Em từng biết về nơi này? Em nhìn thấy gì trong hai hình ảnh đó?

Đọc thông tin, quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.

2 Tìm hiểu vị trí địa lí của Hải Vân Quan

Đèo Hải Vân, còn gọi là đèo Ải Vân, Ngãi Lãnh, Ải Vân Sơn, Ải Lĩnh hay đèo Mây. Hải Vân Quan là quan ải⁽¹⁾ nằm trên đỉnh đèo Hải Vân, giữa hai ngọn Hải Vân Sơn (phía đông) và Bà Sơn (phía tây), ở độ cao 496 m so với mực nước biển, thuộc dãy núi Bạch Mã – Hải Vân thuộc thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế và phường Hoà Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, cách trung tâm thành phố Đà Nẵng khoảng 28 km về phía bắc.



Hình 1.3. Đèo Hải Vân, 1938 – 1939



Hình 1.4. Cổng phía nam Hải Vân Quan



- Mô tả sơ lược vị trí địa lí của Hải Vân Quan.
- Vị trí Hải Vân Quan cho thấy tầm quan trọng của cửa ải này như thế nào?

3 Lịch sử hình thành Hải Vân Quan

a) Những công trình chính

⁽¹⁾ Quan ải: cửa ngõ vùng biên giới.

Hải Vân Quan nằm trên con đường Bắc – Nam, được khai thông vào đời nhà Trần (đầu thế kỉ XV). Dưới thời nhà Nguyễn, Hải Vân Quan được xây dựng thành một pháo đài quân sự với nhiều công trình gồm hệ thống thành lũy, nhà kho, trú sở, súng thần công,... để phòng thủ ở cửa ngõ phía nam kinh thành Huế và phòng thủ cửa biển Đà Nẵng.

Tháng 2 năm 1826 (Bính Tuất), vua Minh Mạng cho xây một cửa quan ở đỉnh núi Hải Vân. Cửa nhìn về phía phủ Thừa Thiên xưa ghi 6 chữ “Thiên hạ đệ nhất hùng quan” (Cửa ải hùng vĩ nhất thiên hạ); cửa nhìn về hướng Đà Nẵng ghi 3 chữ “Hải Vân Quan” (Cửa ải Hải Vân). Công trình được xây dựng như một pháo đài quân sự để phòng thủ ở cửa ngõ phía nam của kinh thành Huế. Bên trong và bên ngoài của pháo đài được bố trí súng thần công⁽²⁾ và kính thiên lí⁽³⁾ để canh phòng.



Hình 1.5. Ba chữ Hán: “Hải Vân Quan”



Hình 1.6. Sáu chữ Hán: “Thiên hạ đệ nhất hùng quan”

Cuối năm 1946, khi trở lại xâm lược nước ta, thực dân Pháp đã cải tạo Hải Vân Quan thành một cứ điểm với nhiều công sự kiên cố án ngữ trên đỉnh đèo do hai trung đội lính Âu – Phi chiếm giữ.

Sau năm 1954, hệ thống nhà ở, đồn bốt, công sự,... được quân đội Mỹ và chính quyền miền Nam tiếp tục sử dụng. Tại đây từng xảy ra nhiều trận tập kích của quân đội ta vào công sự của địch với những chiến công vang dội.

(2) Súng thần công: một loại pháo sử dụng thuốc súng hoặc các loại nhiên liệu có nguồn gốc chất nổ để bắn đầu đạn đi xa.

(3) Kính thiên lí: ống kính gồm một hệ thống thấu kính, dùng để nhìn những vật ở rất xa.

Do ảnh hưởng của thời gian và chiến tranh kéo dài hơn hai thập kỉ nên diện mạo Hải Vân Quan đã thay đổi rất nhiều. Tường lũy, cửa quan đã bị hư hại, chỉ còn lại phần tháp canh và cổng quan rêu phong,...



Hình 1.7. Cổng Thiên hạ đệ nhất hùng quan



Hình 1.8. Cổng Hải Vân Quan

Sau ngày thống nhất đất nước, Hải Vân Quan trở thành một di tích và danh thắng nổi tiếng trên Quốc lộ Bắc – Nam (Quốc lộ 1A).

Tháng 4 – 2017, Hải Vân Quan được công nhận là Di tích quốc gia. Ngày 19 – 12 – 2021, Sở Văn hoá và Thể thao thành phố Đà Nẵng phối hợp cùng Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế đã khởi công dự án bảo tồn, tu bổ, phục hồi di tích Hải Vân Quan.



Hình 1.9. Các công trình bên trong Hải Vân Quan sau khi được phục dựng



Hình 1.10. Bậc thang dẫn lên cổng thành

b) Giá trị lịch sử - văn hoá

Hải Vân Quan có giá trị to lớn về lịch sử, văn hoá, địa lí, kiến trúc, quân sự gắn liền với triều đại quân chủ cuối cùng của Việt Nam. Hải Vân Quan cùng với đèo Hải Vân đã trở thành một thắng cảnh với nhiều điểm du lịch hấp dẫn của du khách khi đến thành phố Đà Nẵng và tỉnh Thừa Thiên Huế.

Hải Vân Quan đã và đang được đầu tư tôn tạo để góp phần phát huy những giá trị lịch sử – văn hoá cho đời sau.



EM CÓ BIẾT

Năm 1470, khi neo thuyền ở vịnh Đà Nẵng, vua Lê Thánh Tông xúc động trước cảnh quan hùng vĩ của nơi này, đã cảm tác⁽¹⁾ bài thơ *Qua cửa biển Hải Vân (Hải Vân hải môn lữ thứ)* và đặt tên nơi này là “*Thiên hạ đệ nhất hùng quan*”.



- Kể tên những công trình chính của di tích lịch sử Hải Vân Quan. Mỗi công trình đó được xây dựng vào năm nào?
- Nêu giá trị văn hoá – lịch sử của Hải Vân Quan.



THỰC HÀNH

4 Giới thiệu về Hải Vân Quan cho các bạn cùng nghe.

Gợi ý: Học sinh có thể miêu tả sơ lược về vị trí địa lí, lịch sử hình thành, các công trình chính và giá trị lịch sử – văn hoá,... của Hải Vân Quan.



VẬN DỤNG

5 Nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp của Hải Vân Quan.

6 Làm một cuốn sổ tay hoặc thiết kế một pốt-xtơ (poster)⁽²⁾ giới thiệu về di tích Hải Vân Quan.

(1) Cảm tác: cảm xúc trước cảnh vật khiến tác giả làm thơ.

(2) Poster (còn gọi là áp - phích) là một dạng ấn phẩm truyền thông, được thiết kế bằng hình ảnh và văn bản với mục đích cung cấp thông tin hoặc thông điệp đến người xem, khách hàng.



KHỞI ĐỘNG

1 Quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.



Hình 2.1. Nam Ô – một ngôi làng chài lâu đời của thành phố Đà Nẵng



Nơi đây có một đặc sản nổi tiếng. Em đã biết gì về đặc sản đó?



Đọc thông tin, quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.

2 Tìm hiểu lịch sử làng nghề

Nam Ô là tên một ngôi làng cổ, được hình thành hàng trăm năm trước. Làng Nam Ô nằm ở cửa sông Cu Đê, dưới chân đèo Hải Vân, nay thuộc phường Hoà Hiệp Nam và phường Hoà Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Nam Ô có bờ biển dài, nhiều loài hải sản phong phú thuận lợi cho việc đánh bắt hải sản phát triển mạnh. Từ đó, có một nghề nổi tiếng được hình thành và phát triển, đó là nghề làm nước mắm truyền thống, mang thương hiệu nước mắm Nam Ô.

Nước mắm Nam Ô từng là sản vật để tiến vua. Năm 2019, nghề làm nước mắm Nam Ô được đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia.

- Nghề làm nước mắm Nam Ô hình thành ở đâu? Nơi ấy có những thuận lợi gì để phát triển nghề này?
- Nghề làm nước mắm Nam Ô được công nhận Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia vào năm nào?

3 Tìm hiểu về nước mắm Nam Ô

a) Nguyên liệu làm nước mắm Nam Ô

Nước mắm Nam Ô là “sản phẩm kết tinh từ biển”. Vào khoảng tháng Giêng đến tháng Ba âm lịch, từng đàn cá cơm than di chuyển đến vịnh Đà Nẵng. Đây cũng là lúc người dân ra khơi đánh bắt cá về làm mắm. Nước mắm Nam Ô ngon, có vị đặc trưng không chỉ từ cá cơm than mà một phần nhờ vào việc chọn muối. Muối dùng làm mắm Nam Ô là muối Đê Gi⁽¹⁾ tỉnh Bình Định, muối Sa Huỳnh ở tỉnh Quảng Ngãi hay muối Cà Ná ở tỉnh Ninh Thuận.

- Nguyên liệu chính để làm ra nước mắm Nam Ô là gì?
- Tại sao nói nước mắm Nam Ô là “sản phẩm kết tinh từ biển”?

⁽¹⁾ Muối Đê Gi: là loại muối ở vùng biển có địa danh Đê Gi, thuộc hai huyện Phù Mỹ và Phù Cát, tỉnh Bình Định. Muối Đê Gi không mặn gắt, độ mặn không cao so với các vùng muối khác. Sản phẩm làm ra từ muối Đê Gi mang tính ổn định và hoà hợp với các nguyên liệu khác nhau.

b) Quy trình làm nước mắm Nam Ô

Bước 1: Ướp cá.

Sau khi đánh bắt, cá đem rửa sạch với nước biển để giữ hương vị nguyên chất rồi ướp cá với muối biển nguyên chất, không thêm bất cứ chất phụ gia nào.



Hình 2.2. Rửa sạch cá với nước biển và ướp cá với muối

Bước 2: Ủ cá.

Sau khi được ướp với muối, cá cho vào các chum sành sứ và đặt nơi khô thoáng. Cá ủ trong vòng 12 đến 18 tháng và được đảo (khuấy) để cá chín đều.



Hình 2.3. Ủ và đảo cá

Bước 3: Lọc nước mắm.

Sau khi ủ đúng thời gian (12 – 18 tháng), cá được lọc để lấy nước mắm. Để nước mắm giữ nguyên hương vị, người dân dùng vớt tre (giống cái phễu) và lấy vải sạch lót lên, ở dưới có thau (chậu) để hứng.



Hình 2.4. Lọc nước mắm

Bước 4: Ủ nước mắm.

Để có vị thơm ngon và dịu hơn, sau khi lọc, mắm được ủ tiếp trong chum sành, dùng vải dày kín lại một thời gian rồi mới đóng chai, sau đó đưa đến người dùng.



Hình 2.5. Ủ nước mắm



Trình bày ngắn gọn quy trình làm nước mắm Nam Ô.

c) Giá trị của nước mắm Nam Ô

Nước mắm Nam Ô – với hương thơm, mùi vị đậm đà đặc trưng, vị ngọt tự nhiên, màu sắc đỏ thẫm – đã trở thành một loại gia vị và nước chấm không thể thiếu trong bữa ăn của người dân địa phương.

Nghề làm nước mắm ở Nam Ô đã đem lại công ăn việc làm ổn định cho dân làng, giúp tăng thêm thu nhập.

Sản phẩm của làng nghề đã được tiêu thụ trên địa bàn thành phố và các địa phương lân cận. Nước mắm Nam Ô còn vang danh khắp nơi, trở thành một trong những đặc sản nổi tiếng của quê hương. Nước mắm Nam Ô còn là quà tặng theo chân người dân, du khách đến các vùng miền trong nước và quốc tế.



Hình 2.6. Giới thiệu nước mắm Nam Ô



- Hãy nói về những giá trị của nước mắm Nam Ô.
- Tại sao nói nước mắm Nam Ô trở thành một đặc sản nổi tiếng của thành phố Đà Nẵng?



THỰC HÀNH

4

Kể tên những món ăn thường dùng với nước mắm Nam Ô.



Hình 2.7. Những món ăn ở Đà Nẵng thường dùng với nước mắm Nam Ô



VẬN DỤNG

5 Chọn từ phù hợp với chỗ trống trong hai câu dưới đây. Hai câu ấy nói lên điều gì?

a) Nước mắm..., cá rô...

(Tục ngữ)

b) Nam Ô ... thơm nồng

Đi mô cũng nhớ mùi hương quê nhà.

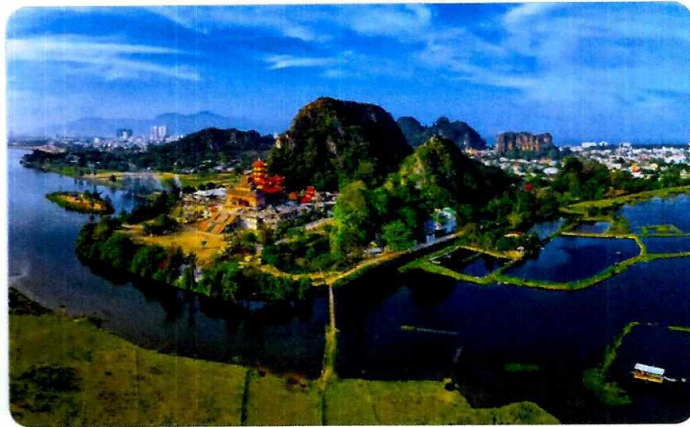
(Ca dao)

6 Nêu một vài ý tưởng để gìn giữ và quảng bá nước mắm Nam Ô.



KHỞI ĐỘNG

1 Quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.



Hình 3.1.



Hình 3.2.



- Hình ảnh trên gợi cho em nghĩ đến thắng cảnh nào của thành phố Đà Nẵng?
- Em biết gì về một làng nghề truyền thống nổi tiếng nơi đây?



Đọc thông tin, quan sát lược đồ, hình ảnh và trả lời câu hỏi.

2 Vị trí làng nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước

Làng nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước nằm ngay dưới chân Ngũ Hành Sơn, cách trung tâm thành phố Đà Nẵng khoảng 8 km, thuộc phường Hoà Hải, quận Ngũ Hành Sơn.



Hình 3.3. Lược đồ hành chính thành phố Đà Nẵng

- Làng nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước nằm ở phường, quận nào của thành phố Đà Nẵng?
- Xác định vị trí quận có làng nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước trên lược đồ thành phố Đà Nẵng.

3 Tìm hiểu lịch sử hình thành và phát triển của làng nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước

Nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước được hình thành vào khoảng thế kỉ XVII, do cụ Huỳnh Bá Quát (quê gốc từ Thanh Hoá) khởi dựng. Ban đầu, làng nghề này chỉ làm các sản phẩm dân dụng. Đến khoảng đầu thế kỉ XIX, khi triều Nguyễn cho xây dựng nhiều cung điện, lăng tẩm, nghề đá ở đây có điều kiện phát triển, uy tín của làng nghề ngày càng nâng cao.

Hiện nay, làng nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước có quy mô và tốc độ phát triển ngày càng tăng, góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người dân địa phương.



Ngày 12 – 4 – 2014, Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng đã có quyết định công nhận Làng nghề truyền thống điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước. Ngày 25 – 8 – 2014, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã có quyết định công nhận Nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước là Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia.



Làng nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước được hình thành như thế nào?

4 Tìm hiểu nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước

a) Nguyên liệu điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước

Nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước sử dụng nguyên liệu đá để tạo ra tác phẩm điêu khắc. Đá chủ yếu là đá cẩm thạch với nhiều màu sắc, hoa văn đẹp.

Trước kia, nguyên liệu thường được khai thác tại Ngũ Hành Sơn. Sau này, do việc khai thác đá sẽ làm ảnh hưởng đến danh thắng Ngũ Hành Sơn, từ năm 1990, chính quyền đã ra quyết định không cho phép khai thác đá ở đây nữa. Do đó, đá phải nhập từ các nơi khác về.

b) Quy trình chế tác⁽¹⁾

Sau khi đã chọn được nguyên liệu, để tạo ra một sản phẩm đá mỹ nghệ, người thợ điêu khắc tiến hành các bước sau:

⁽¹⁾ Chế tác: chế tạo, sản xuất ra các sản phẩm mang tính chất tinh xảo, công phu.



Hình 3.4. Các bước chế tác một sản phẩm đá

c) Sản phẩm điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước

- Sản phẩm điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước khá đa dạng và phong phú, gồm:
- Sản phẩm sinh hoạt: ấm chén, bát đĩa, bình cắm hoa, bàn ghế,...
 - Sản phẩm tín ngưỡng: tượng Phật, La Hán, Chúa, bia, mộ,...
 - Sản phẩm tượng Champa: thần Sin-va (Silva), Vít-nu (Visnu), vũ nữ Ap-sa-ra (Apsara), chim thần, bò thần, rắn thần,...
 - Sản phẩm trang trí: sư tử, voi, cá chép trông trăng, rồng phun lửa,...
 - Sản phẩm trang sức: vòng đeo tay, nhẫn,...
- Ngoài ra, còn có các sản phẩm theo yêu cầu khách hàng: tượng các nhà cách mạng, lãnh tụ, tượng bán thân và toàn thân,...



Hình 3.5. Một số tác phẩm điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước



Vì sao nói sản phẩm điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước đa dạng và phong phú?

5 Phát triển du lịch

Cùng với danh thắng Ngũ Hành Sơn, ngày nay, làng nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước là một điểm đến hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước. Du khách đến đây tham quan, trải nghiệm, chiêm ngưỡng những tác phẩm độc đáo; nhìn tận mắt bàn tay của nghệ nhân tài hoa và người thợ cần mẫn nơi này. Làng nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước được chính quyền thành phố không ngừng bảo tồn và phát triển.



Hình 3.6. Một điểm trưng bày ngoài trời các tác phẩm điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước dưới chân núi Ngũ Hành



Hình 3.7. Bảo tàng Ký ức điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước – Ngũ Hành Sơn



Điều gì thu hút du khách đến làng nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước?



THỰC HÀNH

- 6 Kể tên một số sản phẩm điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước mà em biết. Thử mô tả chi tiết một sản phẩm.
- 7 Nêu tên các bước chế tác một tác phẩm điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước dưới mỗi bức hình sau:



Hình 3.8.



Hình 3.9.



Hình 3.10.



VẬN DỤNG

- 8 Cùng thầy cô và bạn bè hoặc người thân tham quan (hoặc xem video) làng nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non nước và ghi lại ấn tượng của em về làng nghề.
- 9 Vì sao cần phải bảo tồn nghề truyền thống điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước?
- 10 Đề xuất ý tưởng để quảng bá sản phẩm điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước đến du khách trong và ngoài nước.



KHỞI ĐỘNG

1 Quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.



Hình 4.1.



- Tượng đài trên đây nằm ở vị trí nào của thành phố Đà Nẵng? Tác giả của tượng đài này?
- Tượng đài này nhằm gợi cho em nghĩ về ai trong cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân thành phố chúng ta?



2 Mẹ Dũng sĩ Thanh Khê⁽¹⁾

Mẹ Nhu tên thật là Lê Thị Dành (Mẹ Nhu là tên gọi theo tên con trai đầu của Mẹ), sống tại phường Thanh Lộc Đán⁽²⁾, quận Nhì, thành phố Đà Nẵng. Mẹ tham gia cách mạng, nhận nhiệm vụ vận chuyển, tiếp tế lương thực, đào hầm bí mật nuôi giấu cán bộ, chiến sĩ. Nhà Mẹ Nhu trở thành một cơ sở cách mạng. Trong những năm 1966 – 1967, địch ráo riết lùng sục và ngăn chặn các cơ sở cách mạng trong thành phố Đà Nẵng. Sống trong vùng đồn bốt địch dày đặc, mẹ Nhu vẫn che chở, nuôi dưỡng cán bộ trong những căn hầm bí mật do chính tay mình đào. Từ căn hầm của mẹ Nhu, lực lượng của ta nhiều lần xuất kích, luồn sâu, đánh hiểm, diệt nhiều đồn bốt khiến quân địch khiếp sợ.

Đêm 23 – 12 – 1968, sau trận tập kích vào đồn Bảo An, cầu Phú Lộc của lính nguy, các chiến sĩ biệt động quận Nhì được đưa về trú ẩn tại nhà Mẹ Nhu⁽³⁾ và nhà Mẹ Hiền trong khu phố Thanh Khê.

6 giờ 30 phút ngày 26 – 12 – 1968, quân địch gồm cảnh sát dã chiến, biệt động quân, binh định nông thôn và địa phương quân bao vây nhà Mẹ Nhu, kêu gọi Mẹ và chiến sĩ ra đầu hàng. Bị địch bao vây bất ngờ, các chiến sĩ ở nhà Mẹ Nhu nhanh chóng xuống hầm bí mật, trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Sau khi các chiến sĩ xuống hầm, anh Long – con trai Mẹ Nhu – đẩy nắp hầm, vừa bước ra thì bị cảnh sát bắt, tra hỏi. Chúng buộc anh chỉ hầm nhưng anh kiên quyết không khai nên đánh anh đến bất tỉnh rồi bỏ lên xe chở đi. Mẹ Nhu phản ứng dữ dội. Bọn chúng chĩa súng vào Mẹ Nhu, tiếp tục tra khảo. Mẹ nhất định không khai, dũng dạc đáp trả, một lòng bảo vệ con mình và các chiến sĩ. Mẹ nhất định không chỉ hầm và nói: "...Không có hầm hố chi hết, bắn tao thì bắn!". Không khai thác được gì, chúng tiếp tục đánh Mẹ và bắn Mẹ chết gần nơi hầm bí mật. Ngay lúc đó, Tổ biệt động tung nắp hầm xông lên, quét những loạt đạn vào quân địch. Ở hầm bên nhà mẹ Lê Thị Hiền, các chiến sĩ biệt động cũng tung nắp hầm lên cùng chiến đấu.

Trận đánh diễn ra không cân sức, nhưng với tinh thần chiến đấu dũng cảm ngoan cường, mưu trí và được sự đùm bọc, chở che của Mẹ Nhu, Mẹ Hiền và nhân dân Thanh Khê, 7 chiến sĩ biệt động của ta đã làm thất bại cuộc vây ráp tấn công của quân địch có xe, pháo và máy bay yểm trợ, tiêu diệt và làm bị

(1) Thanh Khê: một vùng đất thuộc quận Nhì, nay là quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

(2) Thanh Lộc Đán: nay là phường Thanh Khê Đông và phường Thanh Khê Tây, thuộc quận Thanh Khê.

(3) Trú ẩn tại nhà Mẹ Nhu có 03 anh, chị: Nguyễn Thị Tám, Nguyễn Văn Huệ, Trần Đình Trung; ở nhà mẹ Hiền có 04 anh: Nguyễn Văn Chi, Ngô Văn Mười, Võ Văn Năm, Nguyễn Văn Phương.

thương hàng chục tên địch. Trong trận chiến đấu này, Mẹ Nhu và anh Nguyễn Văn Huệ đã anh dũng hi sinh. Cái chết của Mẹ Nhu đã gây nổi xúc động lớn và niềm cảm phục sâu sắc trong nhân dân Đà Nẵng.

Chiến công của Mẹ Nhu và 7 Dũng sĩ Thanh Khê là niềm tự hào về lòng yêu nước, tinh thần bất khuất, kiên trung; là hình ảnh sáng ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, mãi mãi khắc ghi vào truyền thống đấu tranh vẻ vang của dân tộc. Đến bây giờ, người Đà Nẵng chưa bao giờ quên trận đánh huyền thoại và người mẹ đã ngã xuống dưới làn đạn của kẻ thù. Với người dân Đà Nẵng, Mẹ Nhu đã hoá thân thành một hình tượng bất tử.



Cảm tưởng của em về giây phút Mẹ Nhu đối đầu với quân thù?



Để tưởng nhớ Mẹ Nhu và những người mẹ Thanh Khê dũng cảm trong đấu tranh giành độc lập, tự do, từ năm 1983 đến 1985, tượng Mẹ Dũng sĩ được điêu khắc gia Phạm Văn Hạng chế tác từ vỏ đạn đồng, cao khoảng 13 m, mặt nhìn về hướng đông bắc, được dựng lên ở cửa ngõ thành phố Đà Nẵng tại giao lộ các con đường Điện Biên Phủ – Huỳnh Ngọc Huệ – Dũng sĩ Thanh Khê.

3 Khu lưu niệm Mẹ Nhu và 7 Dũng sĩ Thanh Khê

Tại căn nhà xưa của Mẹ ở địa chỉ K746 Trần Cao Vân, phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, chính quyền thành phố quyết định xây dựng Khu lưu niệm Mẹ Nhu và 7 Dũng sĩ Thanh Khê. Khu lưu niệm có diện tích hơn 600 m², nơi đây cũng từng là cơ sở quan trọng trong khu tam giác chiến lược trọng điểm An Khê – Phú Lộc – Thanh Khê của phong trào cách mạng quận Nhì, đồng thời cũng là nơi nuôi giấu cán bộ, chiến sĩ, tập kết vũ khí đạn dược tác chiến. Với ý nghĩa lịch sử to lớn ấy, Khu lưu niệm này được xếp hạng Di tích quốc gia theo Quyết định số 4699/QĐ-BVHTTDL ngày 28 – 12 – 2009 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Ngày 30 – 8 – 1995, Mẹ Lê Thị Dĩnh được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân⁽⁴⁾.

⁽⁴⁾ Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân: danh hiệu vinh dự cao nhất của Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam phong tặng hoặc truy tặng cho các cá nhân và tập thể có thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội.



Hình 4.2. Giáo viên và học sinh Đà Nẵng dâng hương Khu lưu niệm Mẹ Nhu và 7 Dũng sĩ Thanh Khê



Hình 4.3. Một số hình ảnh được lưu giữ tại Khu lưu niệm

Từ đó đến nay, chính quyền thành phố quan tâm đầu tư, tôn tạo nhằm giữ gìn, phát huy giá trị di tích, phục vụ khách du lịch trong và ngoài nước, đồng thời bồi đắp cho thế hệ trẻ lòng tự hào về truyền thống cách mạng hào hùng của bao lớp người đi trước.



THỰC HÀNH

- 4 Trong vai một hướng dẫn viên du lịch, em hãy viết bài và giới thiệu với du khách về chiến công của Mẹ Nhu và 7 Dũng sĩ Thanh Khê.
- 5 Việc xây dựng tượng đài Mẹ Dũng sĩ và Khu lưu niệm Mẹ Nhu và 7 Dũng sĩ Thanh Khê có ý nghĩa như thế nào?



VẬN DỤNG

- 6 Những việc trường em cần làm để phát huy giá trị của Khu lưu niệm Mẹ Nhu và 7 Dũng sĩ Thanh Khê?



KHỞI ĐỘNG

1 Quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.



Hình 5.1.



Hình 5.2.



Hình 5.3.



Hình 5.4.



- Em đã biết gì về ngôi nhà trong các hình ảnh trên?
- Ấn tượng ban đầu của em về bên ngoài và bên trong ngôi nhà đó.



EM CÓ BIẾT

Người Cơ Tu là một trong 54 dân tộc ở Việt Nam, họ có tên gọi khác là Ca Tu, Ka Tu,... Trong tiếng Cơ Tu, “Tu” có nghĩa là ngọn, nguồn; Cơ Tu có nghĩa là người ở đầu nguồn nước.

Người Cơ Tu ở nước ta hiện nay có khoảng hơn 74 000 người, tỉ lệ nữ chiếm khoảng 50%; Đồng bào Cơ Tu sống tập trung ở vùng rừng núi tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng và một phần ở nước Lào.



Đọc thông tin, quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.

2 Tìm hiểu đồng bào Cơ Tu ở thành phố Đà Nẵng

a) Không gian sống

Người Cơ Tu ở thành phố Đà Nẵng là cư dân bản địa, thuộc cộng đồng người Cơ Tu ở vùng thấp. Đồng bào Cơ Tu ở thành phố Đà Nẵng hiện có 1 478 người; trong đó, có 921 người ở thôn Tà Lang và Giàn Bí của xã Hoà Bắc và 557 người ở thôn Phú Túc của xã Hoà Phú, huyện Hoà Vang.

Cộng đồng người Cơ Tu thành phố Đà Nẵng nằm trong Khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà – Núi Chúa và Vườn quốc gia Bạch Mã. Đồng bào Cơ Tu sinh sống quây quần nơi đất bằng gần các con suối, nhà cửa thường tựa lưng vào đồi núi. Không gian cư ngụ của họ có có sông suối, thác nước, rừng nguyên sinh với thảm thực vật xanh tốt, thuận lợi cho sự phát triển kinh tế và gìn giữ văn hoá của cộng đồng Cơ Tu.

Nhà ở truyền thống của người Cơ Tu là nhà sàn. Kiến trúc nhà sàn có bốn mái cao vừa, uốn khum tròn ở hai đầu hồi, có hình dáng tựa mai rùa. Vật liệu chính để làm nhà gồm: gỗ, tre, nứa, được buộc bằng dây mây; mái nhà lợp lá tranh, lá cọ, lá cau, lá mây,... Trước đây, nhà sàn truyền thống theo lối nhà dài phù hợp cho gia đình đông người ở chung; về sau kiểu nhà được thu ngắn lại phù hợp với gia đình nhỏ ở riêng. Đặc biệt, ở vị trí trung tâm thôn bản, người Cơ Tu xây dựng nhà Gươl khá lớn. Nhà Gươl là nơi sinh hoạt, hội họp, giải quyết công việc; là nơi giáo dục truyền thống.

lưu giữ những vật cúng tế, của cải chung; nơi thực hiện các lễ nghi của cộng đồng dân cư,... Gươl là chốn thiêng liêng, biểu hiện tinh thần và văn hoá của bản làng.

b) Ngôn ngữ và chữ viết

Người Cơ Tu có ngôn ngữ riêng và sử dụng tiếng Việt. Từ cuối thập niên 50 của thế kỉ XX, chữ viết Cơ Tu được hình thành do một số cán bộ cách mạng là người Kinh hoạt động ở vùng Cơ Tu sáng tạo ra trên cơ sở dùng chữ cái La tinh để phiên âm tiếng nói.

c) Hoạt động sản xuất

Hoạt động sản xuất chính của đồng bào Cơ Tu là làm nương rẫy. Lúa tẻ và lúa nếp là lương thực chính. Ngoài ra, họ còn trồng bắp, khoai, sắn, cây ăn quả, rau xanh và cây gia vị,... Nghề chăn nuôi gia súc, gia cầm, đánh bắt cá ngày càng được chú trọng. Các nghề thủ công truyền thống như: mộc, đan lát, làm gốm, dệt thổ cẩm, đan thêu,... khá phổ biến.



Hình 5.5. Nghề dệt thổ cẩm của đồng bào Cơ Tu ở xã Hòa Bắc



Hình 5.6. Phụ nữ đồng bào Cơ Tu trình diễn dệt thổ cẩm tại Bảo tàng Đà Nẵng



Nêu những nét chính về dân số, nơi sinh sống, tiếng nói và chữ viết của đồng bào Cơ Tu ở thành phố Đà Nẵng.

d) Tín ngưỡng và văn hoá

Giống như nhiều dân tộc thiểu số khác, người Cơ Tu từ xưa tin vào trời, vào thần linh. Tín ngưỡng này đã chi phối đời sống cộng đồng, từ việc dựng nhà, cưới hỏi, tang ma cho đến việc làm rẫy, săn bắn,...



Hình 5.7. Lễ cúng của người Cơ Tu

Việc quản trị làng là do chủ làng hay già làng đảm nhiệm theo phong tục tập quán. Giúp việc cho già làng là hội đồng tộc họ gồm những người già đại diện của các dòng tộc trong làng. Dân tộc Cơ Tu thực hiện chế độ phụ hệ, nghĩa là người đàn ông thường đóng vai trò quan trọng trong gia đình và cộng đồng.

Nhà Gươl, nhà ở và nhà mồ tiêu biểu cho kiến trúc và trang trí của người Cơ Tu. Điều khắc tượng gỗ của người Cơ Tu khá độc đáo. Tượng gỗ thường đặt ở nhà, ở sân, ở các ngõ đường, ở nhà Gươl, nhà mồ,... Các tượng điêu khắc của người Cơ Tu giàu biểu cảm, sinh động, mang dấu ấn tín ngưỡng và thể hiện nguyện vọng con người.



Hình 5.8. Nhà Gươl tại xã Hoà Bắc, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng



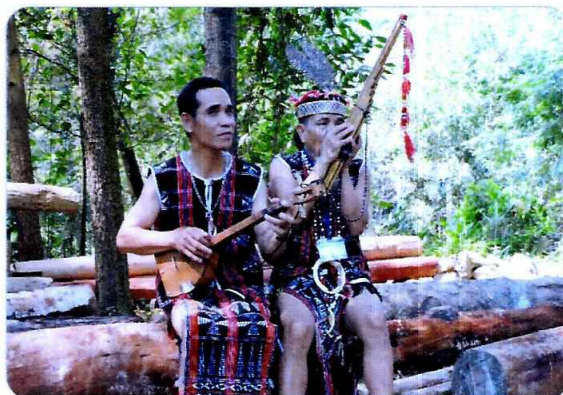
Hình 5.9. Tượng gỗ của người Cơ Tu

Dân tộc Cơ Tu còn gìn giữ nhiều lễ hội truyền thống như: lễ hội được mùa, lễ mừng lúa mới, lễ mừng nhà Gươl,...

Người Cơ Tu có kho tàng truyện cổ với truyền thuyết, thần thoại, ngụ ngôn,...; nội dung phản ánh nguồn gốc, tín ngưỡng, lễ nghi và những mong ước của người dân. Dân ca, tục ngữ, câu đố của người Cơ Tu có vần điệu, thường được hát trong các lễ hội. Điệu múa tiêu biểu là Da dá tung tung: Tung tung (T'tung) là điệu múa của nam; Da dá (D'dă) là điệu múa của nữ; khi múa hát thường hoà với trống, chiêng, cồng, đàn, kèn, sáo,... Vũ điệu người Cơ Tu độc đáo về tạo hình, âm nhạc, trang phục,...



Hình 5.10. Đồng bào Cơ Tu biểu diễn vũ điệu Tung tung da dá



Hình 5.11. Người Cơ Tu với các nhạc cụ truyền thống



Hình 5.12. Đoàn nghệ nhân Cơ Tu Đà Nẵng dự Liên hoan văn hoá các dân tộc tại huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam



- Mô tả sơ lược về nhà ở và tượng gỗ của đồng bào Cơ Tu.
- Nêu sơ lược về lễ hội, truyện cổ, điệu múa tiêu biểu của đồng bào Cơ Tu.

e) Ẩm thực và trang phục

Người Cơ Tu thường ngày ăn cơm tẻ, ngày lễ hội ăn thêm cơm nếp. Món ngon đặc trưng có cơm lam, bánh cuốn, thịt ống nướng; đồ uống phổ biến là rượu Tà vạt, rượu cần.

Đàn ông Cơ Tu thường mặc khố, choàng vải; đàn bà mặc váy ống (váy dài và váy ngắn), ngày lễ hội có thêm thắt lưng nền trắng mộc. Con gái thích đeo chuỗi mã não, vòng bạc và các loại hạt cườm, tóc thường để dài. Khố, váy được dệt công phu, hoa văn thường có màu đen, đỏ, một ít màu vàng,... kết thêm hạt chì hay hạt cườm trắng.



Hình 5.13. Uống rượu cần



Hình 5.14. Múa hát trong lễ hội của đồng bào Cơ Tu



- Ẩm thực của người Cơ Tu có gì đặc biệt?
- Giới thiệu nét độc đáo của trang phục thiếu nữ Cơ Tu.

3

Bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống cộng đồng người Cơ Tu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Năm 2022, Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng đã ban hành đề án "Xây dựng chính sách bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống cộng đồng người Cơ tu trên địa bàn thành phố giai đoạn 2022 – 2030".

Theo Đề án, đến năm 2030, 100% thiết chế văn hoá truyền thống của dân tộc Cơ Tu được bảo tồn và hoạt động hiệu quả; 100% lễ hội truyền thống

tốt đẹp của dân tộc Cơ Tu được phục dựng, lưu giữ; phục hồi và phát triển nghề dệt thổ cẩm; 100% nghệ nhân dân tộc Cơ Tu được hỗ trợ trong việc trao truyền, đào tạo những người kế cận. Đề án được thực hiện ở 3 xã Hoà Bắc, Hoà Phú và Hoà Ninh, nhằm bảo tồn văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số, tạo động lực phát triển văn hoá gắn với du lịch, xoá đói giảm nghèo; xây dựng đời sống văn hoá, môi trường lành mạnh; đẩy lùi những tập tục lạc hậu, tệ nạn xã hội; làm đa dạng đời sống văn hoá; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.



Vì sao thành phố Đà Nẵng cần phải bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống cộng đồng người Cơ Tu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng?



THỰC HÀNH

- 4 Việc tìm hiểu về văn hoá đồng bào Cơ Tu có ý nghĩa như thế nào đối với em?
- 5 Trong vai trò hướng dẫn viên du lịch, em hãy viết bài và giới thiệu cho du khách những nét chính về đồng bào dân tộc Cơ Tu ở thành phố Đà Nẵng.



VẬN DỤNG

- 6 Viết bản đề xuất các hoạt động của nhà trường hoặc của lớp em nhằm bảo tồn và phát huy văn hoá cộng đồng người Cơ Tu ở thành phố Đà Nẵng.

MỤC LỤC

Chủ đề	Nội dung	Trang
1	Hải Vân Quan	5
2	Nước mắt Nam Ô	10
3	Làng nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước	16
4	Mẹ Dũng sĩ Thanh Khê	23
5	Đồng bào dân tộc Cơ Tu ở thành phố Đà Nẵng	28

DANH SÁCH HÌNH ẢNH SỬ DỤNG TRONG TÀI LIỆU

Hình	Trang	Nguồn
H1.1 – H1.2	5	Ban biên soạn
H1.3 – H1.4	6	Ảnh tư liệu
H1.5 – H1.6	7	Ban biên soạn
H1.7 – H1.8	8	Ban biên soạn
H2.1	10	Ban biên soạn
H2.2 – H2.3	12	Ban biên soạn
H2.4 – H2.5	13	Ban biên soạn
H2.6	14	Ban biên soạn
H2.7	15	Ban biên soạn
H3.1 – H3.2	16	Ban biên soạn
H3.3	17	Ban biên soạn
H3.4 – H3.5	19	Ban biên soạn
H3.6 – H3.7	20	Ban biên soạn

Hình	Trang	Nguồn
H3.8 – H3.10	21	Ban biên soạn
H4.1	23	Ban biên soạn
H4.2 – H4.3	26	Ban biên soạn
H5.1 – H5.4	28	Ban biên soạn
H5.5	30	Trần Lê Lâm-TTXVN
H5.6	30	Ban biên soạn
H5.7	31	Đỗ Thanh Tân
H5.8	31	Ban biên soạn
H5.9	31	Hoài Sơn
H5.10 – H5.11	32	Đỗ Thanh Tân
H5.12	32	Ban biên soạn
H5.13 – H5.14	33	Ban biên soạn
Ảnh bìa	Bìa	Nguyễn Tấn Phát

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG LỚP 5

